

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **108/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 14-7-2021  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Văn Long

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Kim Anh

Bà Lê Thị Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Thanh L, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Thanh L tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tam T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian chung sống, ông bà xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau; bà T không nhận được sự tôn trọng từ chồng, giữa 02 vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên từ tháng 5/2016 đến nay, hai ông bà sống ly thân. Đến nay, bà T thấy vợ chồng không thể hàn gắn và sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng bà T có 01 con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 11/7/2009. Khi ly hôn, bà T giao con cho chồng nuôi, bà T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

+ Về chia tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt do bà T đi làm ăn xa, công việc không thể nghỉ được nhiều ngày; hơn nữa do tình hình dịch bệnh Covid 19 nên không thể trực tiếp tham gia vụ án.

- Tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ông Phạm Thanh L trình bày: Về hôn nhân, ông L và bà T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã Tam T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Thời gian chung sống, vợ chồng ông xảy ra nhiều mâu thuẫn, do năm 2015 bà T bỏ nhà đi không rõ lý do. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Về nuôi con chung, vợ chồng ông có 01 con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 11/7/2009. Khi ly hôn, ông có nguyện vọng nhận nuôi con, yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung không có. Về nợ chung, không có. Ngoài ra, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông do tình hình dịch bệnh Covid 19 nên không đi lại thường xuyên được.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 55, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Phạm Thanh L; về nuôi con: Giao cháu Phạm Gia Bảo, sinh ngày 11/7/2009 cho ông L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn bà Trần Thị T và bị đơn ông Phạm Thanh L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

Về quan hệ pháp luật: Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phạm Thanh L cư trú tại thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện P, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **2]. Về nội dung vụ án:**

**[2.1]** Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của bà T và ông L là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, giữa bà T và ông L có nhiều bất đồng mâu thuẫn do tính tình không hợp, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Bà T cho rằng ông L không tôn trọng vợ, hai vợ chồng ly thân từ tháng 5/2016 đến nay. Hiện tại bà T sống tại thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai hơn 5 năm nay, còn ông L sống cùng con trai tại thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Bà T xác định vợ chồng không thể hàn gắn và không thể sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L. Ông L thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà T. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trần Thị T và ông Phạm Thanh L ly hôn.

**[2.2]** Về nuôi con chung: Bà T và ông L có 01 con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 11/7/2009; khi ly hôn, bà T có nguyện vọng giao con cho ông L nuôi và được ông L đồng ý.

Xét thấy, cháu B hiện nay đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được ở với ông L, từ trước tới nay cháu B sống với ông L cùng ông bà nội và đi học ổn định tại địa phương. Như vậy các đương sự đã thỏa thuận việc nuôi con và sự thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định của pháp luật, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao con chung là Phạm Gia B cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, đảm bảo quyền lợi của con. Ông L yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng và được bà T đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[2.3]** Về chia tài sản, nợ chung: Bà T và ông L đều khai là không có tài sản và không có nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[3]** Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[4]** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị T ly hôn với ông Phạm Thanh L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Gia B, sinh ngày 11/7/2009 cho ông Phạm Thanh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu B đủ tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T phải cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Gia B mỗi tháng 1.000.000 đồng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu B đủ tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*).

Kể từ ngày ông Phạm Thanh L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004095, ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện, tỉnh Quảng Nam. Bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

**Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- UBND xã Tam T;
- VKSND huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đinh Văn Long**